

Bản án số: 438/2019/DS-ST

Ngày: 11/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Nga.

2. Ông Huỳnh Văn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TT

Trụ sở: Số X, đường N, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức Th (vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 012/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019)

Bị đơn: Ông Trần Như Vũ L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: số Y, đường K, Phường B, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đức Th đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Như Vũ L (gọi tắt là ông L) ký với Ngân hàng TT (gọi tắt là Ngân hàng) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, 03 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

- Thẻ Visa, số thẻ 472075 – 0152, ngày 20/01/2011;
- Thẻ Family, số thẻ 970403 – 7485, ngày 14/8/2012;
- Thẻ Master, số thẻ 526830 – 1125, ngày 23/8/2011.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 271.196.927 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 212.196.927 đồng;
- Thẻ Family là 42.000.000 đồng;
- Thẻ Master là 17.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 355.797.498 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 268.667.990 đồng;
- Thẻ Family là 60.255.942 đồng;
- Thẻ Master là 26.873.566 đồng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/6/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2019 như sau:

- Nợ gốc: 53.237.194 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 22.357.685 đồng; thẻ Master là 4.965.939 đồng; thẻ Family là 25.913.570 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 46.430.230 đồng, trong đó: thẻ Visa là 18.170.460 đồng, thẻ Master là 3.998.162 đồng, thẻ Family là 24.261.608 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 99.667.424 đồng.

Ngày 03/7/2019 ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Ông Th khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Như Vũ L không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố

tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký giữa ông Trần Như Vũ L với Ngân hàng TT thể hiện: ông L được Ngân hàng cấp 03 thẻ tín dụng như nguyên đơn trình bày. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê có cơ sở xác định quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 271.196.927 đồng, ông L đã trả cho nguyên đơn số tiền 355.797.498 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông L thanh toán số tiền 99.667.424 đồng (tiền gốc 53.237.194 đồng; tiền lãi 46.430.230 đồng).

Do ông L không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa ông L với Ngân hàng, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Công an Phường B, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: ông L có hộ khẩu thường trú tại số Y, đường K, Phường B, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông L cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đối với ông L, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho ông L để ghi tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa ông Trần Như Vũ L với Ngân hàng TT cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông L được Ngân hàng cấp 03 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Thẻ Visa, số thẻ 472075 – 0152 ngày 20/01/2011; Thẻ Family, số thẻ 970403 – 7485 ngày 14/8/2012; Thẻ Master, số thẻ 526830 – 1125 ngày 23/8/2011. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện giao dịch và thanh toán một phần tiền cho nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ bảng chi tiết giao dịch khách hàng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 271.196.927 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 212.196.927 đồng;
- Thẻ Family là 42.000.000 đồng;
- Thẻ Master là 17.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 355.797.498 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 268.667.990 đồng;
- Thẻ Family là 60.255.942 đồng;
- Thẻ Master là 26.873.566 đồng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 16/6/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo điều 23 của bản điều khoản, số tiền nợ gốc là 53.237.194 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2019, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 99.667.424 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 53.237.194 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 22.357.685 đồng; thẻ Master là 4.965.939 đồng; thẻ Family là 25.913.570 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 46.430.230 đồng, trong đó: thẻ Visa là 18.170.460 đồng, thẻ Master là 3.998.162 đồng, thẻ Family là 24.261.608 đồng.

Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Như Vũ L phải thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền 99.667.424 (chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi bốn) đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 53.237.194 (năm mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn một trăm chín mươi bốn) đồng, trong đó: Thẻ Visa là 22.357.685 (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi năm) đồng; thẻ Master là 4.965.939 (bốn triệu chín trăm sáu mươi năm ngàn chín trăm ba mươi chín) đồng; thẻ Family là 25.913.570 (hai mươi năm triệu chín trăm mười ba ngàn năm trăm bảy mươi) đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 46.430.230 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn hai trăm ba mươi) đồng, trong đó: thẻ Visa là 18.170.460 (mười tám triệu một trăm bảy mươi ngàn bốn trăm sáu mươi) đồng, thẻ Master là 3.998.162 (ba triệu chín trăm chín mươi tám ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng, thẻ Family là 24.261.608 (hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm không tám) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Như Vũ L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, 03 thẻ tín dụng, cụ thể: Thẻ

Visa, số thẻ 472075 – 0152, ngày 20/01/2011; Thẻ Family, số thẻ 970403 – 7485, ngày 14/8/2012; Thẻ Master, số thẻ 526830 – 1125, ngày 23/8/2011.

Trường hợp trong đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TT thì lãi suất mà ông Trần Như Vũ L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TT

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Như Vũ L phải chịu 4.983.371 (bốn triệu chín trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi một) đồng.

Ngân hàng TT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.571.387 (Một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn ba trăm tám mươi bảy) đồng theo biên lai thu tiền số 0040280 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS Quận 10;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Kim Phụng

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Kim Phụng
- Hội thẩm nhân dân:
 - 1/ Bà Võ Thị Thanh Nga.
 - 2/ Ông Huỳnh Văn Phát.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi giờ 00, ngày tháng năm 2019 tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 16/01/2019

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và đã thông qua 3/3 ý kiến biểu quyết quyết định.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Như Vũ L phải thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền 99.667.424 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 53.237.194 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 22.357.685 đồng; thẻ Master là 4.965.939 đồng; thẻ Family là 25.913.570 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 46.430.230 đồng, trong đó: thẻ Visa là 18.170.460 đồng, thẻ Master là 3.998.162 đồng, thẻ Family là 24.261.608 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Như Vũ L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, 03 thẻ tín dụng, cụ thể: Thẻ Visa, số thẻ 472075 – 0152, ngày 20/01/2011; Thẻ Family, số thẻ 970403 – 7485, ngày 14/8/2012; Thẻ Master, số thẻ 526830 – 1125, ngày 23/8/2011.

Trường hợp trong đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TT thì lãi suất mà ông Trần Như Vũ L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TT

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Như Vũ L phải chịu 4.983.371 đồng

Ngân hàng TT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.571.387 (Một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn ba trăm tám mươi bảy) đồng theo biên lai thu tiền số 0040280 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản có 2 trang được đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa